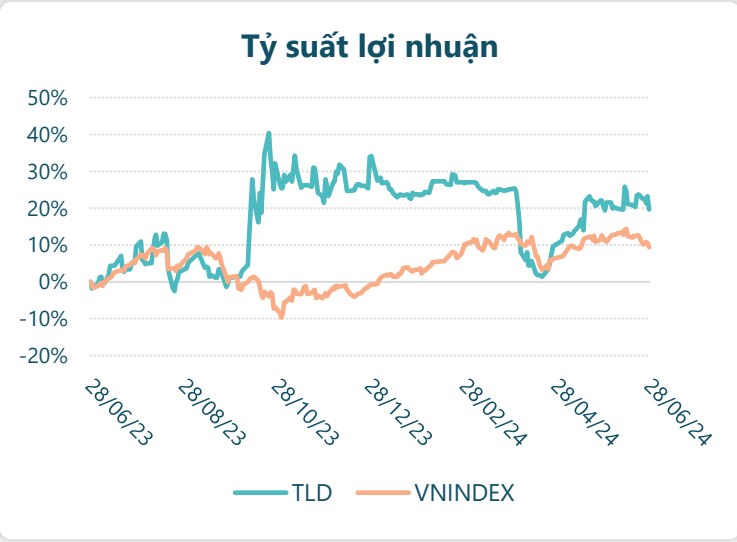


Ngày	5,040 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.6%	-4.4%	-5.1%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,106 - 5,913
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	392
Số lượng CPLH (CP)	77,741,356
KLGD BQ 20 phiên (CP)	61,640
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.63
EPS	175
P/E	28.8



Doanh thu thuần
Q2/24

166

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 55.0 | 49.9%

YoY: ▲ 82.8 | 99.9%

Nợ/VCSH
Q2/24

31.6%

YoY: +/- ▼ 1.5%

LN gộp
Q2/24

13.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.15 | 66.1%

YoY: ▲ 7.45 | 135%

ROE (TTM)
Q2/24

1.7%

YoY: +/- ▲ 0.6%

LN trước thuế
Q2/24

6.74

tỷ VNĐ

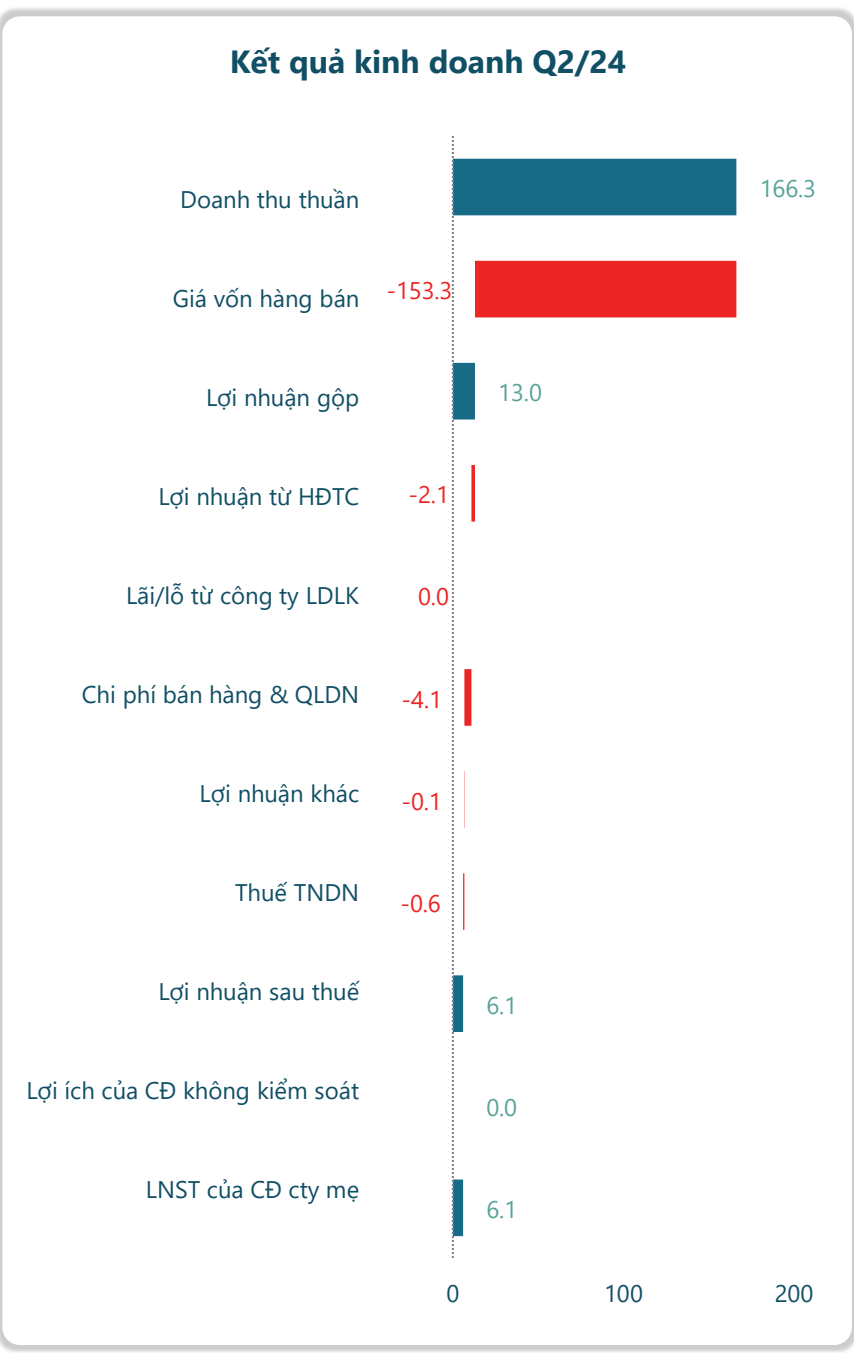
QoQ: ▲ 3.81 | 130%

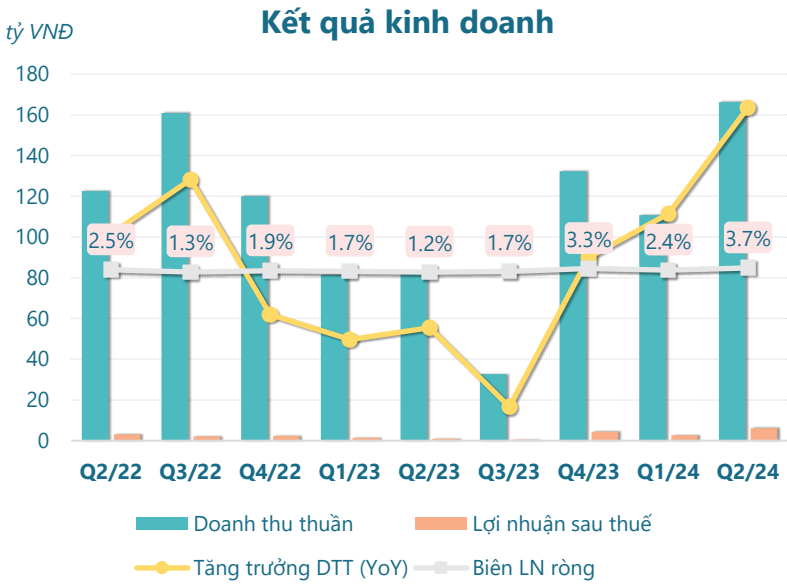
YoY: ▲ 5.44 | 418%

ROA (TTM)
Q2/24

1.3%

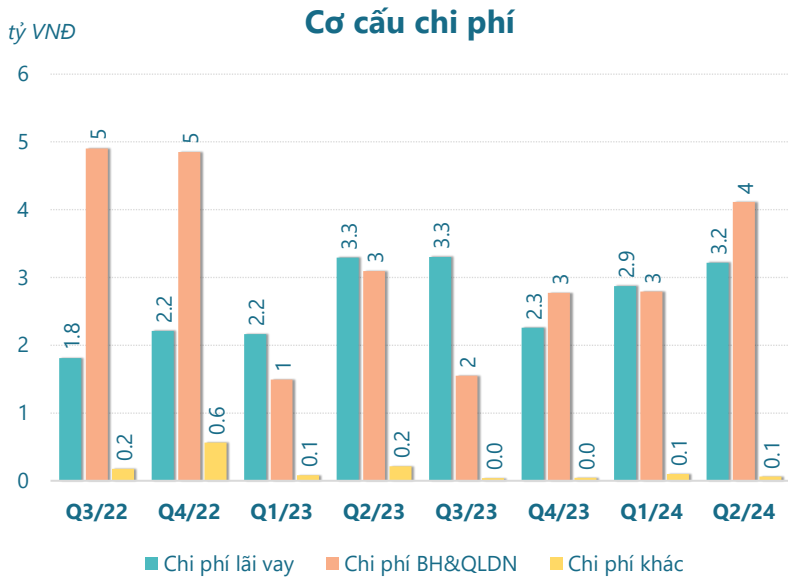
YoY: +/- ▲ 0.5%





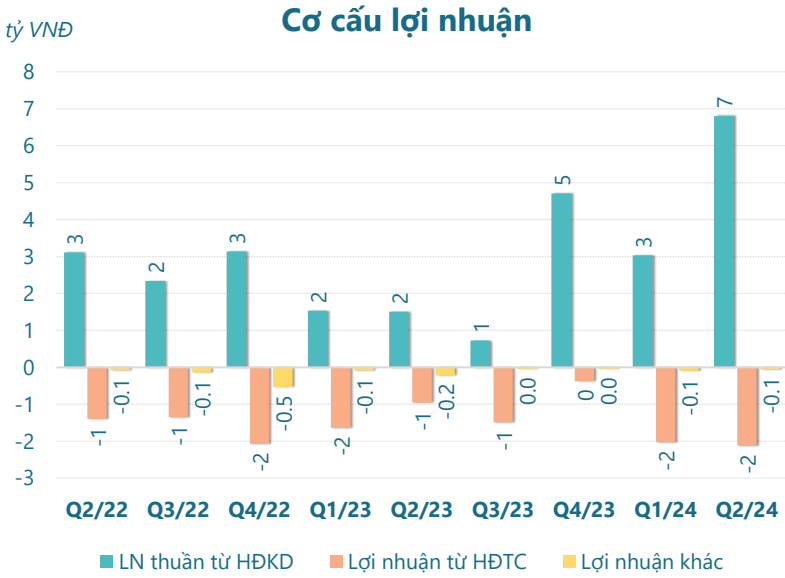
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 6.80 tỷ đồng**, tăng thêm 124% so với kỳ trước và cao hơn 350% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 2.13 tỷ đồng** giảm đi 0.10 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 1.17 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.06 tỷ đồng** tăng thêm 0.04 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.15 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **TLD** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **166.3 tỷ đồng** tăng thêm **100%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 6.10 tỷ đồng, tăng trưởng 535%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **277.0 tỷ đồng** cao hơn 67.9% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 9.00 tỷ đồng** cao hơn 350% so với cùng kỳ năm trước.



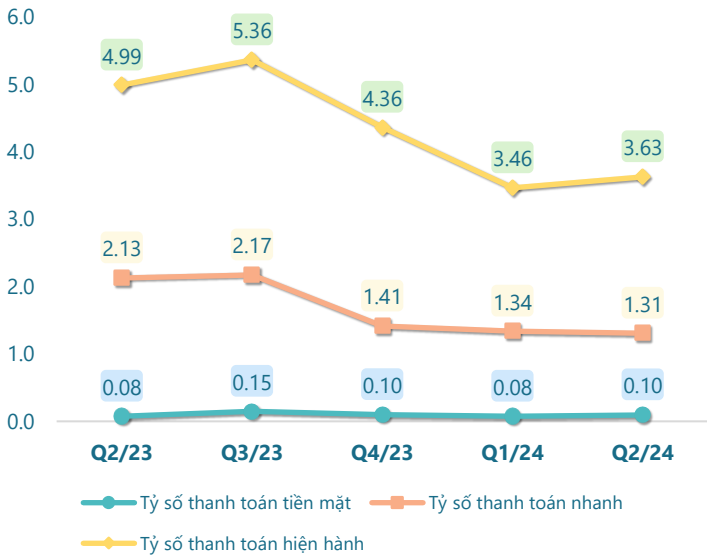
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **3.22 tỷ đồng** tăng thêm 12.2% so với kỳ trước và thấp hơn 2.13% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **4.11 tỷ đồng** tăng thêm 47.3% so với kỳ trước và cao hơn 32.6% so với cùng kỳ năm trước.

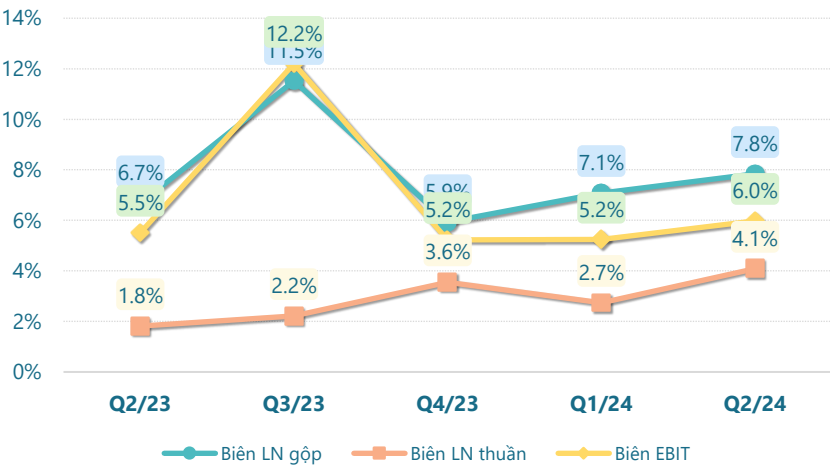
Chi phí khác bằng **0.06 tỷ đồng** giảm đi 40.0% so với kỳ trước và thấp hơn 71.4% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	166	111	49.9%	83.2	99.9%	277	165	68.4%
Giá vốn hàng bán	153	103	48.8%	77.6	97.6%	256	154	66.0%
Lợi nhuận gộp	13.0	7.85	66.1%	5.55	135%	20.9	10.2	104%
Doanh thu HĐTC	1.09	0.85	28.0%	2.42	-55.0%	1.93	2.94	-34.3%
Chi phí TC	3.22	2.87	12.0%	3.38	-4.9%	6.09	5.54	9.9%
Chi phí lãi vay	3.22	2.87	12.0%	3.29	-2.3%	6.09	5.45	11.6%
LN trong công ty LKLD	0.00	0.00		0.01	-100%	0.00	0.01	-133%
Chi phí bán hàng	2.44	1.61	51.8%	1.50	63.0%	4.05	1.57	158%
Chi phí QLDN	1.67	1.19	40.2%	1.60	4.2%	2.85	3.02	-5.5%
LN thuần từ HĐKD	6.80	3.03	124%	1.51	350%	9.83	3.04	223%
Lợi nhuận khác	-0.06	-0.10	38.4%	-0.21	70.7%	-0.16	-0.30	46.1%
LN trước thuế	6.74	2.93	130%	1.30	418%	9.67	2.75	252%
Lợi nhuận sau thuế	6.10	2.65	130%	0.96	535%	8.75	2.33	276%
LNST của CĐ cty mẹ	6.10	2.63	132%	0.98	522%	8.73	2.34	272%

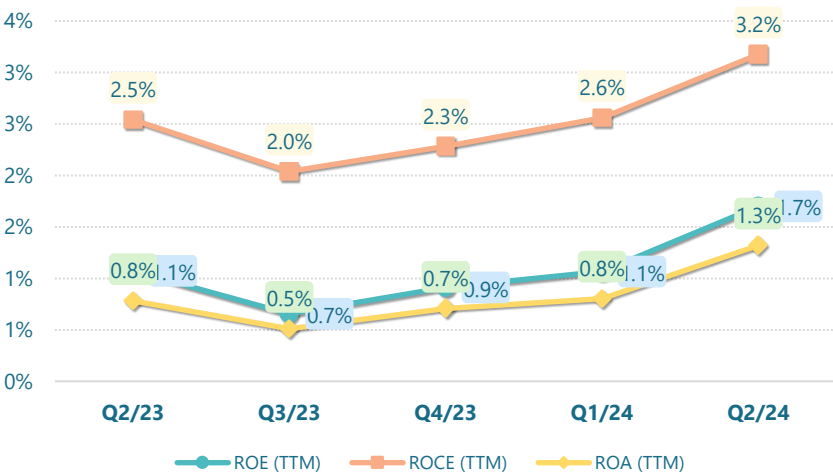
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

